

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 21/7/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Th

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân K - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2022/HSST ngày 15/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 04/7/2022 đối với bị cáo:

HOÀNG VĂN S, sinh năm 1977, tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ 01, phường P, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Hoàng Văn H (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị S (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh chị em; lớn nhất sinh năm 1957; nhỏ nhất sinh năm 1977, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 03 tiền án;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 99/2010/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh G đến ngày 30/11/2010, trở về địa phương sinh sống (đã được xóa án tích).

Ngày 27/6/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 89/2013/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 14/01/2014, trở về địa phương sinh sống (đã được xóa án tích).

Ngày 11/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 52/2017/HSST. Bị cáo chấp

hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 13/4/2018, trở về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích).

Ngày 09/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 162/2018/HSST (áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”). Bị cáo chấp hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 04/10/2019, trở về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích).

Ngày 26/10/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 143/2020/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam G thuộc huyện M, tỉnh G đến ngày 05/7/2021, trở về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2022, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm Công an tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Hoàng Văn S đã 05 lần bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử và tuyên án bằng hình phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, trong đó có 03 Bản án chưa được xóa án tích và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, cụ thể như sau:

Trưa ngày 17/3/2022, Hoàng Văn S điều khiển chiếc xe mô tô biển số 81B2 - 248.12 từ thành phố P đến huyện Đ để tìm nhà người dân sơ hờ nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đi đến trước nhà chị Trần Thị T (sinh năm 1993) tại số 15 đường Nguyễn Trãi thuộc Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ, phát hiện thấy nhà mở cửa phía trước nhưng không có người nên S dựng xe phía ngoài đường rồi đi bộ vào nhà để tìm tài sản trộm cắp. Khi vào đến phòng khách, S nhìn thấy chị T đang nằm ngủ trên ghế và có 01 chiếc ví màu xanh để trên bàn bên cạnh. S đi đến cầm chiếc ví đi thẳng xuống khu vực phòng bếp mở ví kiểm tra thấy bên trong có 01 xấp tiền nên lấy ra cầm trên tay rồi để chiếc ví lại tại đây. S quay lại đi ra đến phòng khách thì chị T tỉnh dậy phát hiện nên S bỏ chạy ra cổng nhà. Chị T liền tri hô và đuổi theo S ra phía ngoài đường đúng lúc có lực lượng Công an thị trấn Đ đang đi tuần tra nên đã bắt giữ được S cùng tang vật là số tiền 4.655.000 đồng. Công an thị trấn Đ, huyện Đ đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các tài sản khác của Hoàng Văn S gồm: 01 Giấy phép lái xe A1 mang tên Hoàng Văn S; 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 81B2 - 248.12 mang tên Nguyễn Đức P (địa chỉ tại Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh G);

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade mang biển số 81B2 - 248.12 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 cùng số tiền 2.950.000 đồng.

Kết quả điều tra đã xác định số tiền 4.655.000 đồng thu giữ khi bắt giữ Hoàng Văn S là tài sản của chị Trần Thị T đã bị trộm cắp. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý vật chứng và trả lại số tiền này cho chị T.

2. Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade mang biển số 81B2 - 248.12 và 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 81B2 - 248.12 mang tên Nguyễn Đức P là tài sản của Bị cáo Hoàng Văn S mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Bị cáo Hoàng Văn S đã sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với 01 Giấy phép lái xe A1 mang tên Hoàng Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 cùng số tiền 2.950.000 đồng là tài sản của cá nhân Bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

3. Về Dân sự:

Chị Trần Thị T đã nhận lại số tiền bị trộm cắp là 4.655.000 đồng và hiện không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 14/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade mang biển số 81B2 - 248.12 và 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 81B2 - 248.12 mang tên Nguyễn Đức P;

Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe A1 mang tên Hoàng Văn S;

Tiếp tục bảo thủ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 cùng số tiền 2.950.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] ***Về hành vi bị truy tố của bị cáo:*** Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 17/3/2022, Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81B2-248.12 đi đến nhà chị Trần Thị T, địa chỉ tại số nhà 15 đường Nguyễn Trãi, tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện Đ. Khi đang thực hiện hành vi trộm cắp của chị T số tiền 4.655.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nêu trên của bị cáo Hoàng Văn S là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã từng 05 lần bị kết án cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, trong đó có 03 bản án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt đó là “Tái phạm nguy hiểm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc với mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt tiền đối với bị cáo với số tiền là 5.000.000 đồng.

[3] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade có biển kiểm soát 81B2-248.12 và 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển kiểm soát 81B2-248.12 mang tên Nguyễn Đức P là tài sản mà bị cáo đã mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Đây là phương tiện mà bị cáo sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hoàng Văn S; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 và số tiền 2.950.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, sẽ trả lại cho bị cáo Giấy phép lái xe hạng A1; còn chiếc điện thoại và số tiền sẽ tiếp tục được bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về dân sự: Bị hại là chị Trần Thị T đã nhận lại số tiền 4.655.000 đồng và không có yêu cầu gì khác về phần dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo HOÀNG VĂN S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 17/3/2022).

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

4.1 Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 Xe mô tô biển số 81B2-248.12, nhãn hiệu Honda, số loại Blade; dung tích xi lanh 97; số khung: RLHJA3631GY020080; số máy: JA36E0482698; màu S: đỏ - đen;

- 01 Chứng nhận đăng ký mô tô, nhãn hiệu Honda Air Blade mang biển số 81B2-248.12.

4.2 Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn S:

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hoàng Văn S;

4.3 Tiếp tục bảo thủ 01 điện thoại Sam Sung Galaxy J7 màu vàng đồng, số Imei 35970207294864 và số tiền 2.655.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/6/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G; Ủy nhiệm chi lập ngày 20/6/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo số tài khoản 0949.0.1048144.00000 tại Kho bạc nhà nước Đ.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/7/2022), bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại
- Người TGTG khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hưng